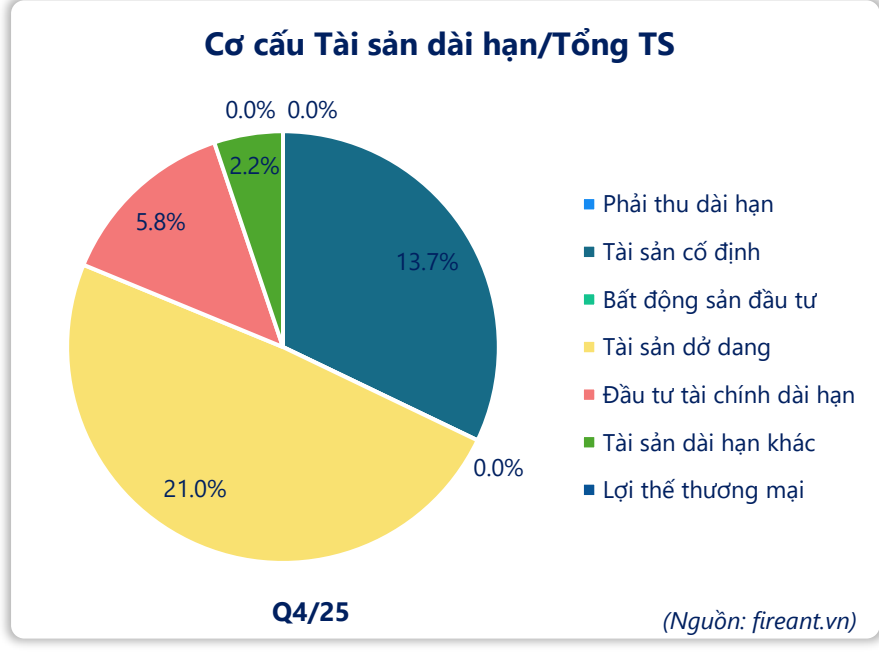
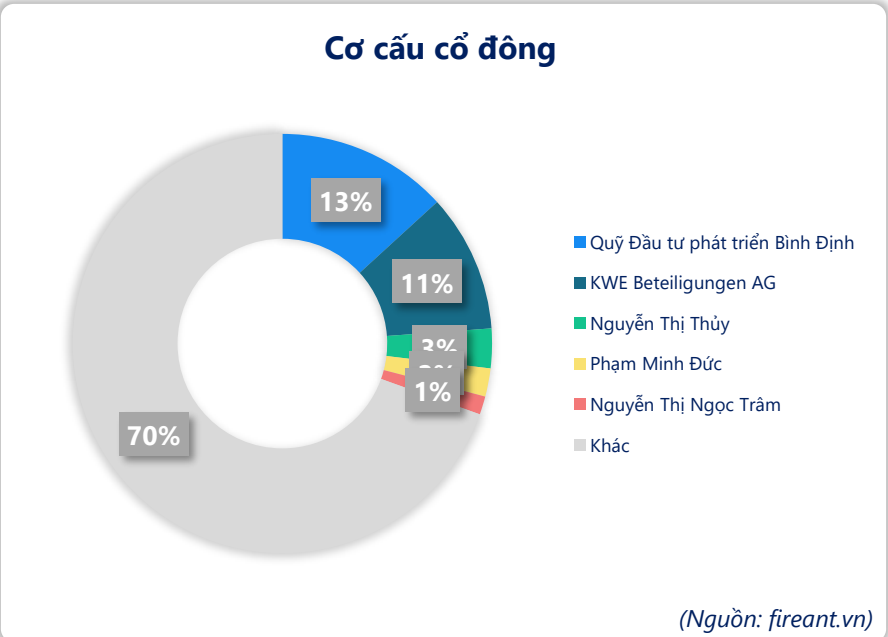
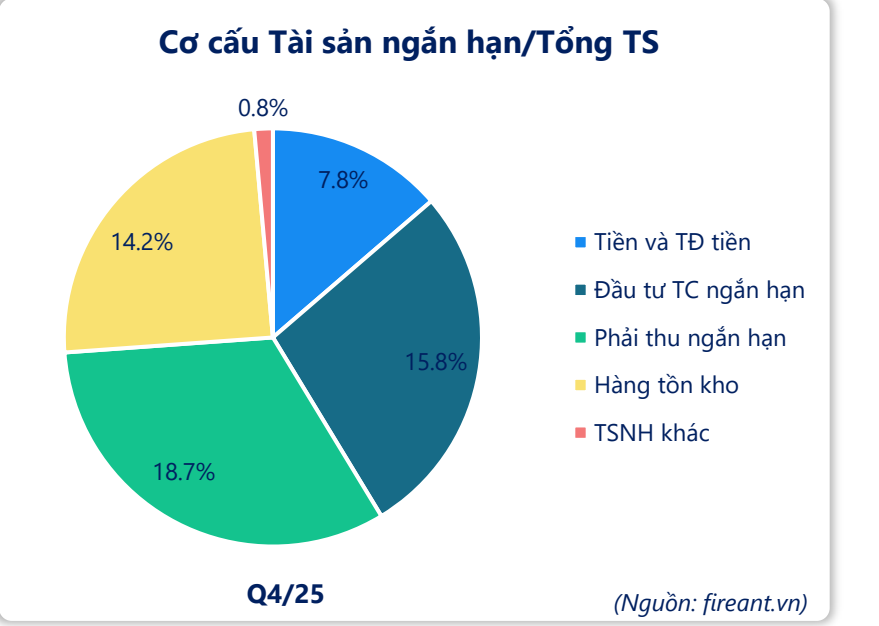
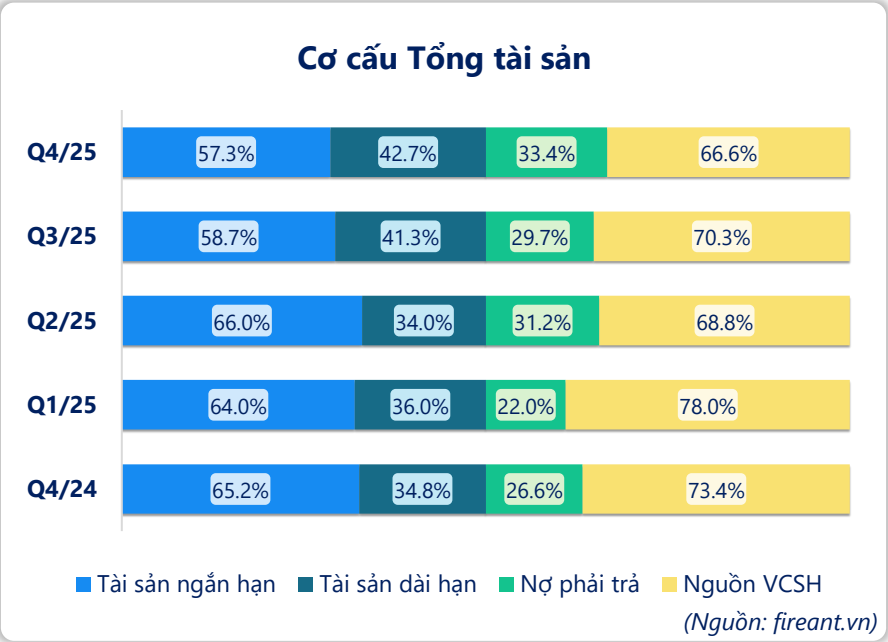
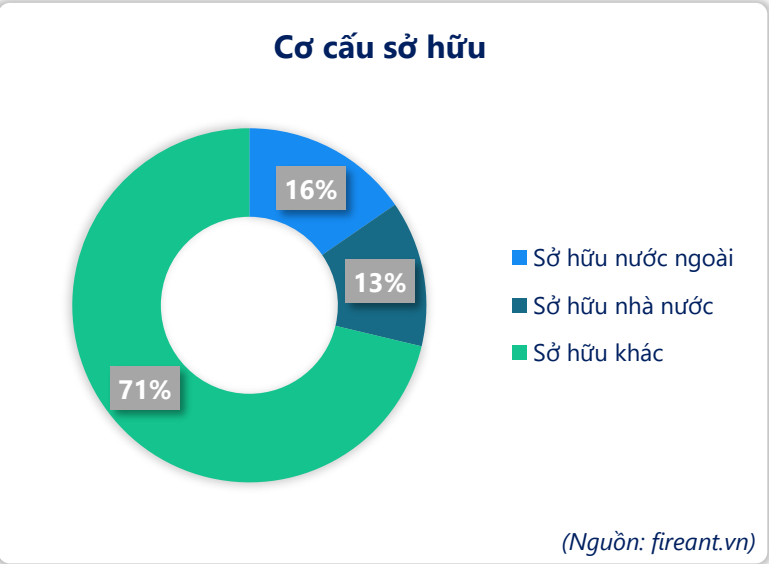
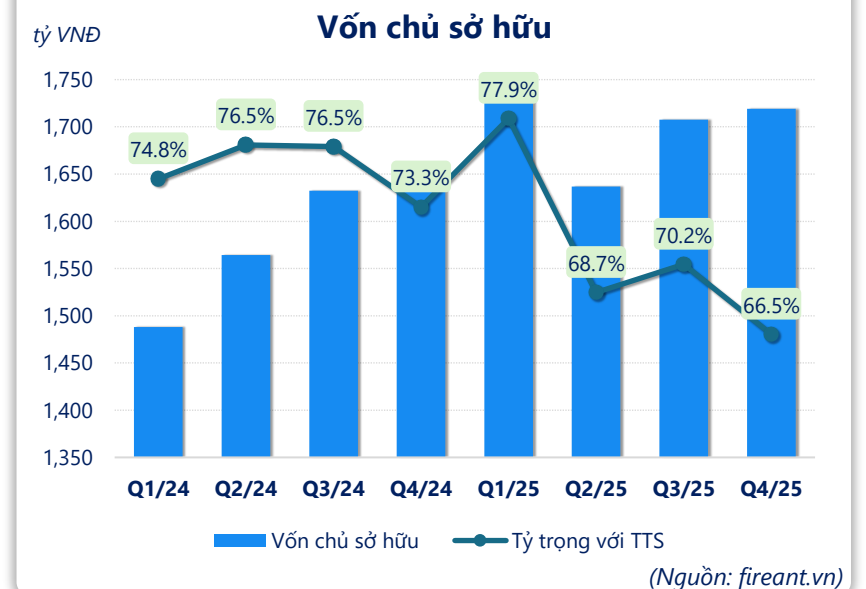
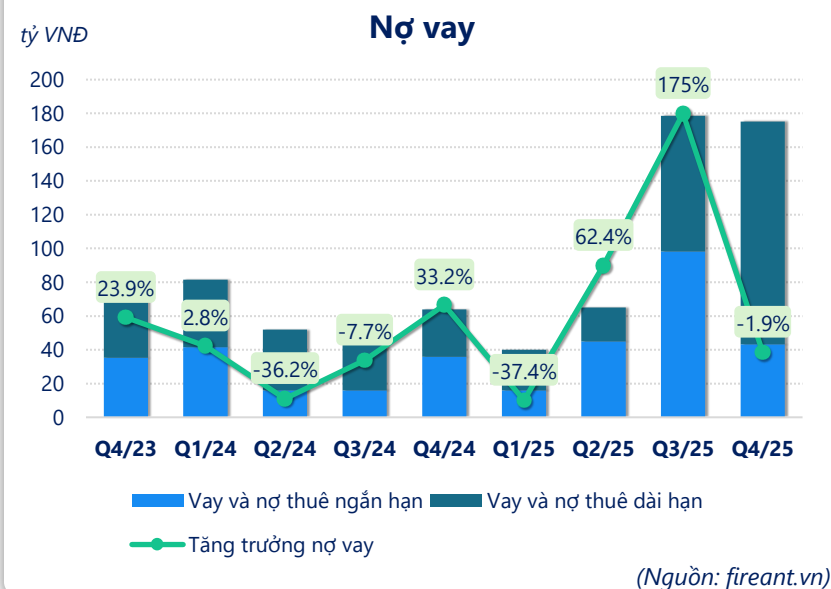
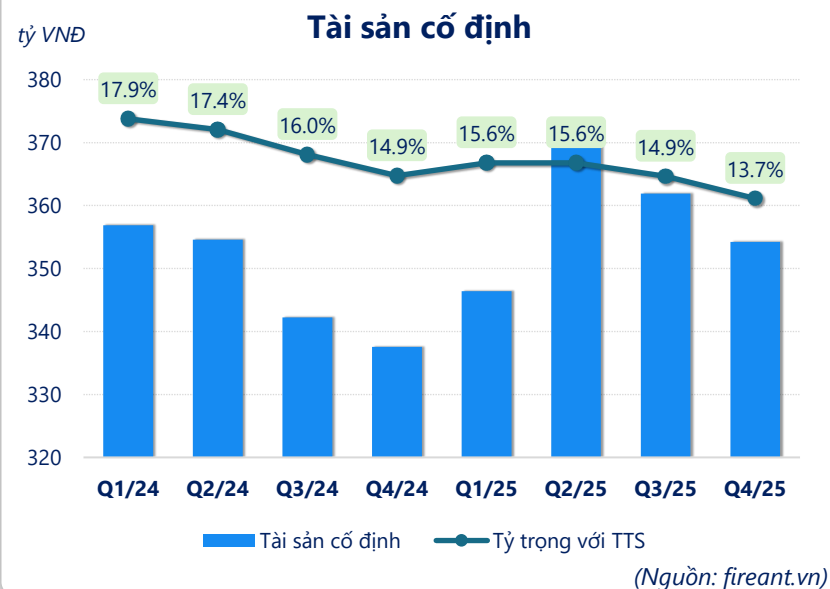
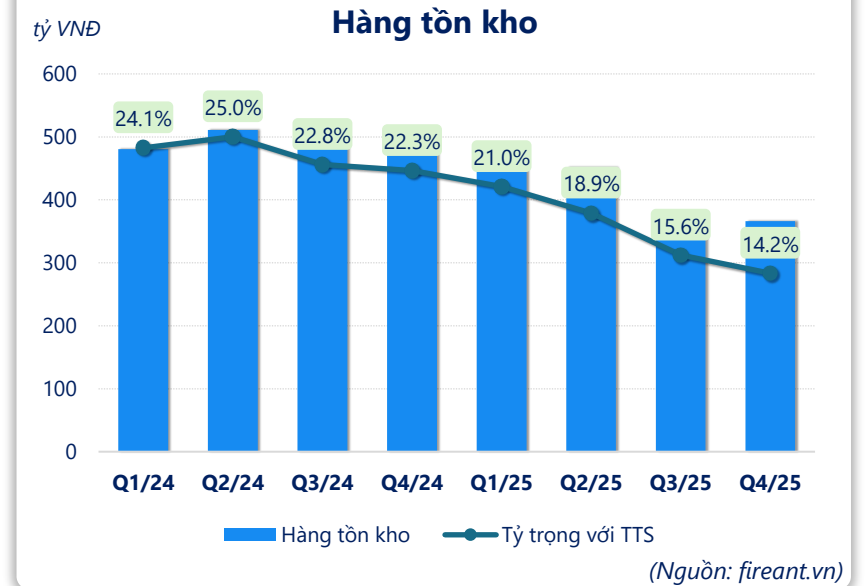
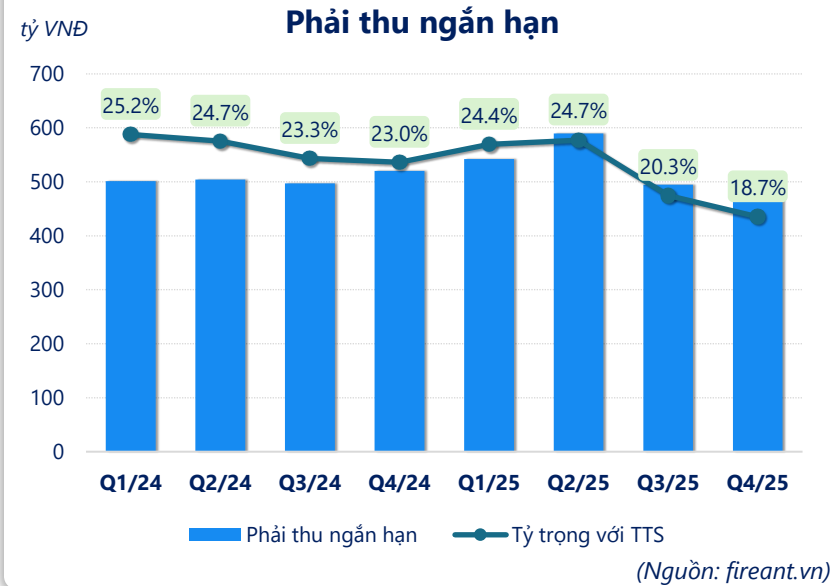
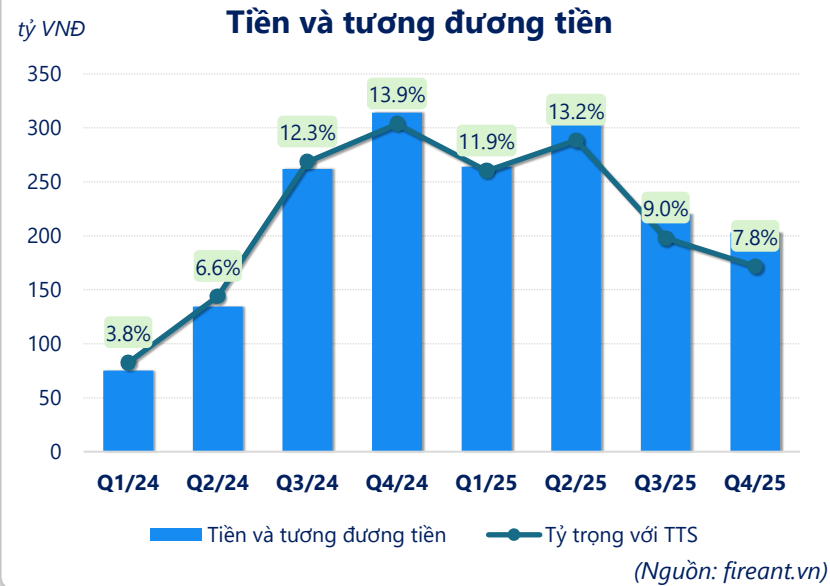
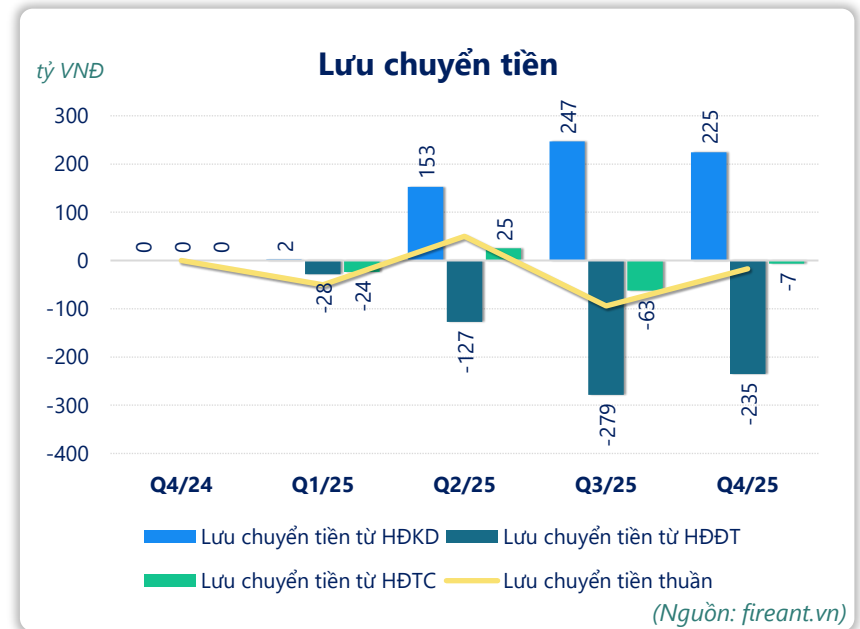
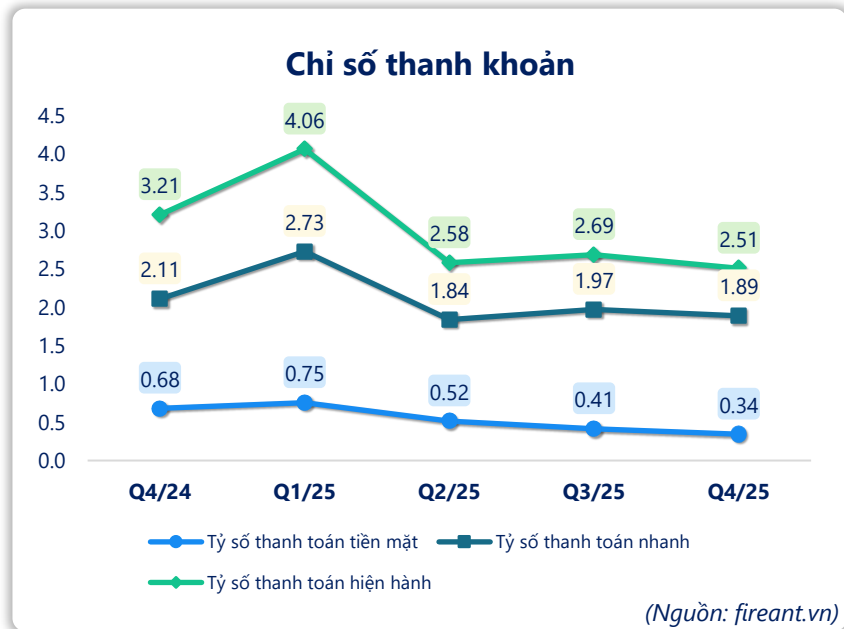
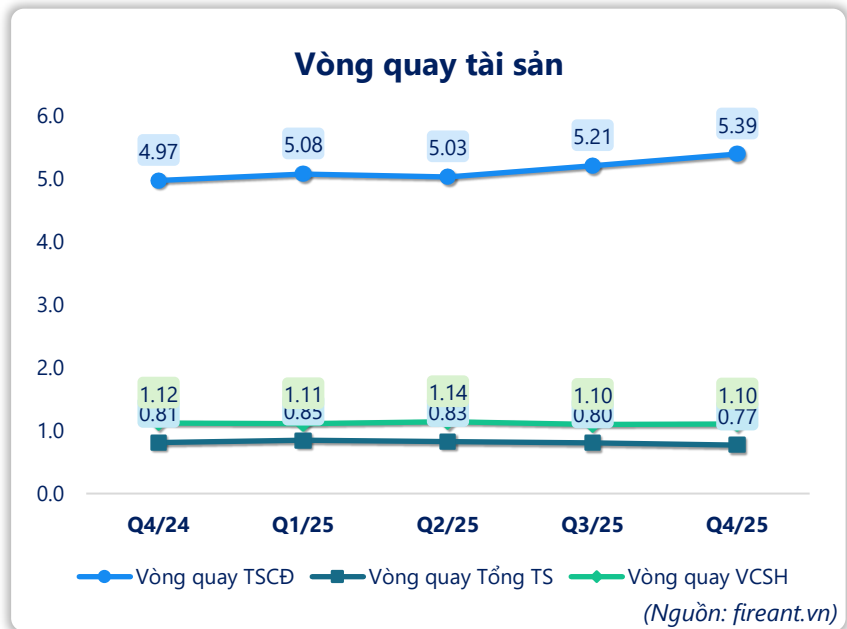
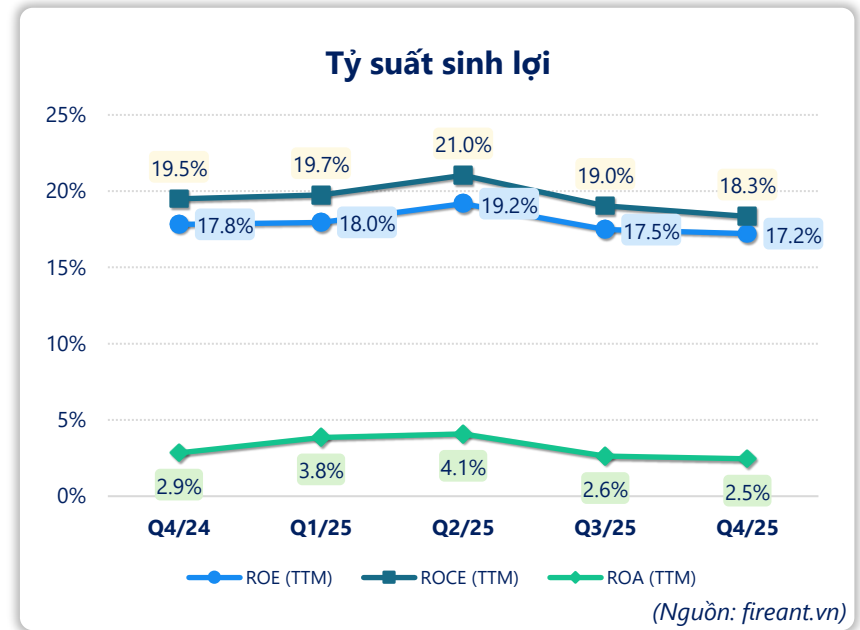
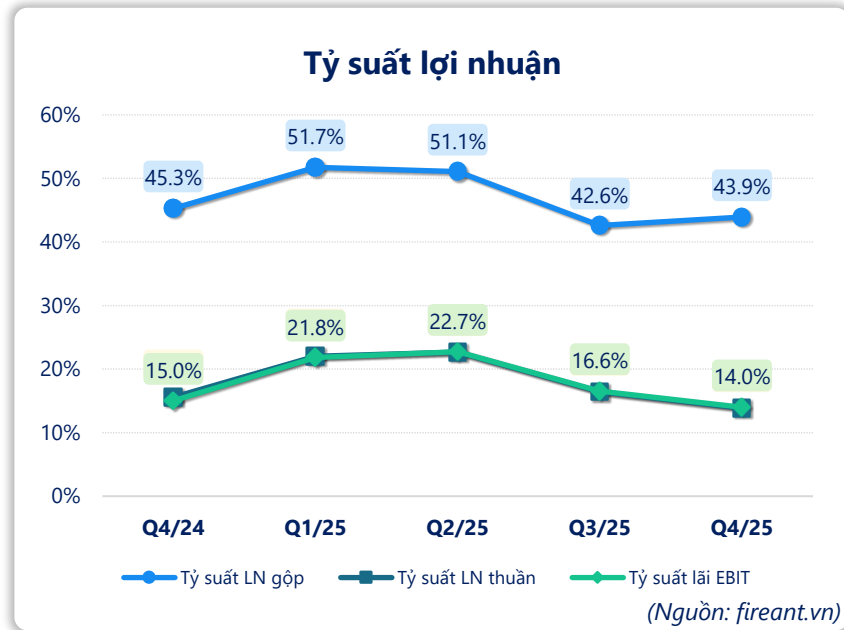
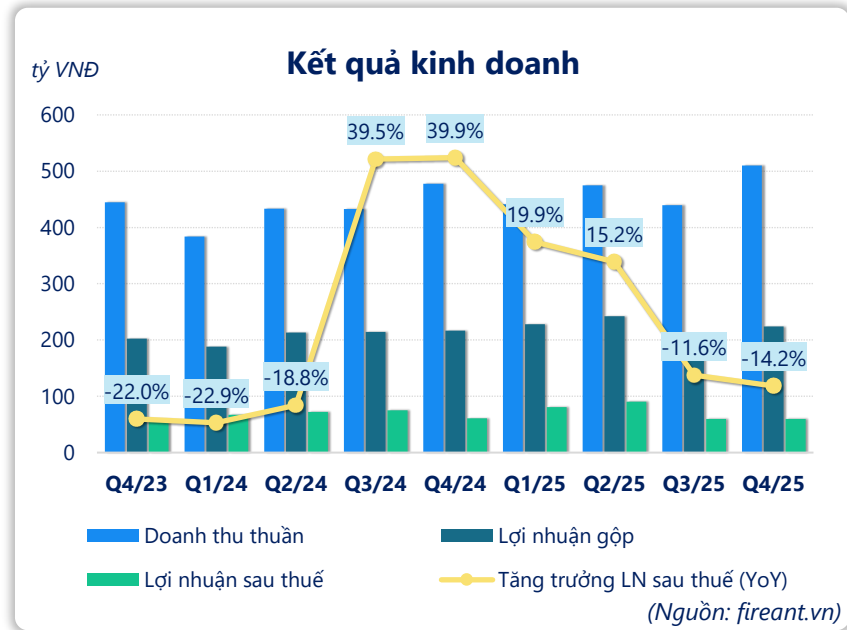


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		48,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		59,786
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		43,055
SL cổ phiếu LH		94,489,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)		380,108
% sở hữu nước ngoài		15.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,611
P/E		15.9
EPS		3,077

	YTD	1T	3T	6T
DBD	-14.2%	-3.0%	-9.8%	-10.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,584	2,264	14.1%
Tài sản ngắn hạn	1,481	1,476	0.3%
Tiền và tương đương tiền	203	314	-35.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	409	124	229%
Phải thu ngắn hạn	482	520	-7.4%
Hàng tồn kho	366	505	-27.6%
Tài sản ngắn hạn khác	21.2	12.1	75.8%
Tài sản dài hạn	1,103	788	40.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	354	338	4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	542	233	132%
Đầu tư tài chính dài hạn	150	164	-8.5%
Tài sản dài hạn khác	56.9	52.7	8.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	863	603	43.1%
Nợ ngắn hạn	590	460	28.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.2	35.9	20.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	219	161	36.5%
Nợ dài hạn	273	143	90.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	132	28.0	371%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,721	1,661	3.6%
Vốn chủ sở hữu	1,719	1,659	3.6%
Vốn điều lệ	945	936	1.0%
Kinh phí và quỹ khác	2.24	2.41	-6.9%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	478	441	475	440	510
Giá vốn hàng bán	261	213	232	252	286
Lợi nhuận gộp	216	228	242	187	224
Doanh thu HĐTC	4.63	4.20	5.01	9.09	6.89
Chi phí TC	4.20	3.21	3.49	4.09	3.83
Chi phí lãi vay	0.99	0.72	0.79	1.34	1.00
LN trong công ty LKLD	13.6	7.99	3.60	-8.44	9.13
Chi phí bán hàng	100	92.9	133	88.1	104
Chi phí QLDN	55.9	47.1	7.14	23.6	61.8
LN thuần từ HĐKD	74.4	97.1	108	72.2	70.6
Lợi nhuận khác	-3.61	-1.60	-0.49	-0.71	-0.24
LN trước thuế	70.8	95.5	107	71.5	70.4
Lợi nhuận sau thuế	60.6	81.0	90.3	59.9	59.5
LNST của CĐ cty mẹ	60.6	81.0	90.3	59.9	59.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	2.14	153	247	225
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-28.4	-127	-279	-235
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-23.9	24.9	-62.6	-6.61
Tiền đầu kỳ	0	314	264	314	220
Lưu chuyển tiền thuần	0	-50.2	50.2	-94.2	-17.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	0.01	0.00	-0.01
Tiền cuối kỳ	0	264	314	220	203

(Nguồn: fireant.vn)